CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP

Ngày 30/06/2025	10,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	5.7%	**-0.3%**	**10.1%**

DT thuần
Q2/25
175
tỷ VNĐ
QoQ: ▼17.0| -8.7%
YoY: ▼90.0| -33.8%

LN thuần
Q2/25
3.32
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 5.52| 251%
YoY: ▼59.1| -94.7%

LN sau thuế
Q2/25
0.82
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 8.57| 111%
YoY: ▼50.2| -98.4%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
0.9%
YoY: +/-▲ 1.1%

ROE (TTM)
Q2/25
0.4%
YoY: +/-▼ 1.3%

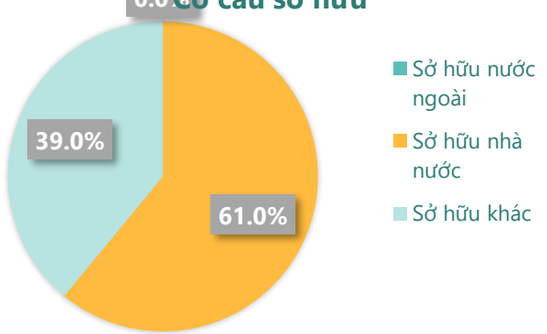
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	8,572 - 11,495
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,090
Số lượng CPLH (CP)	300,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	20,315
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.16
EPS	55
P/E	185.9

DT thuần
6T 2025
368
tỷ VNĐ
YoY: ▼71.0| -16.2%

LN thuần
6T 2025
1.12
tỷ VNĐ
YoY: ▼21.4| -95.0%

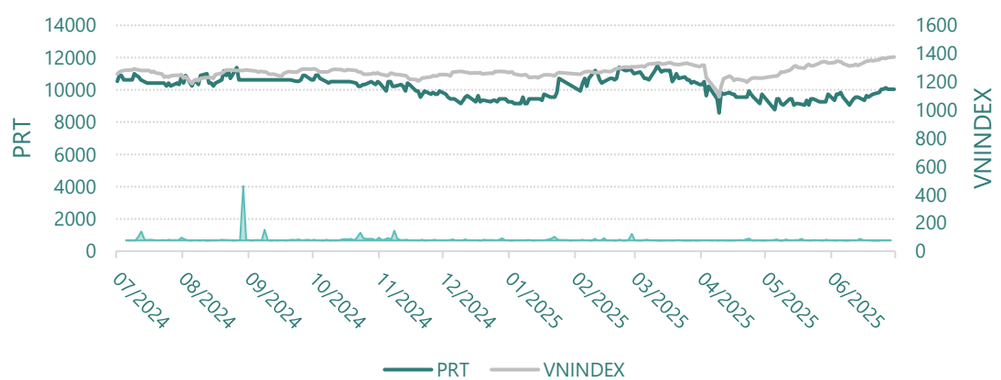
LN sau thuế
6T 2025
-6.93
tỷ VNĐ
YoY: ▼15.4| -182%

Cơ cấu sở hữu

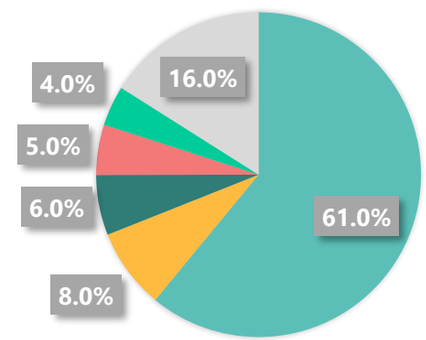


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

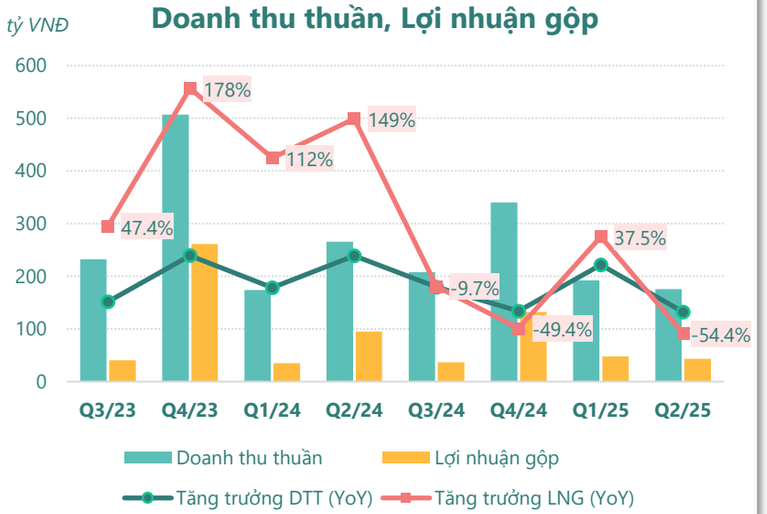


- Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý dự án Bình Dương
- CTCP Sam Holdings
- CTCP Đầu tư U&I
- Trần Thị Thu Hà
- CTCP - Tổng Công Ty Nước - Môi Trường Bình Dương
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

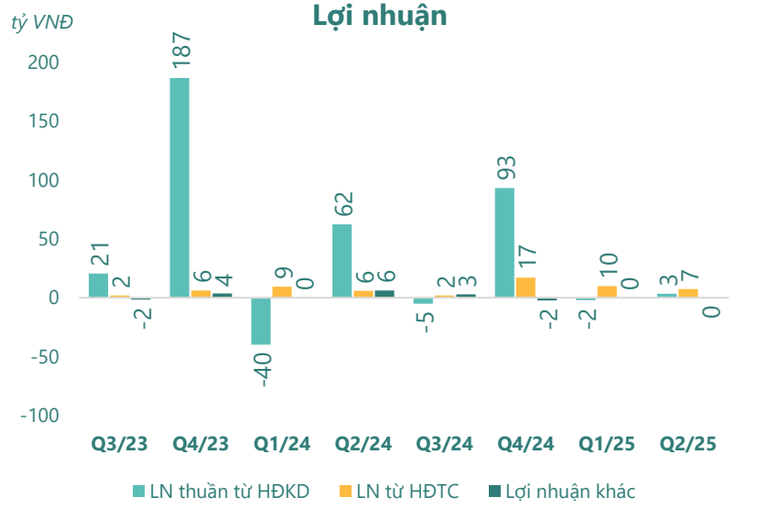
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



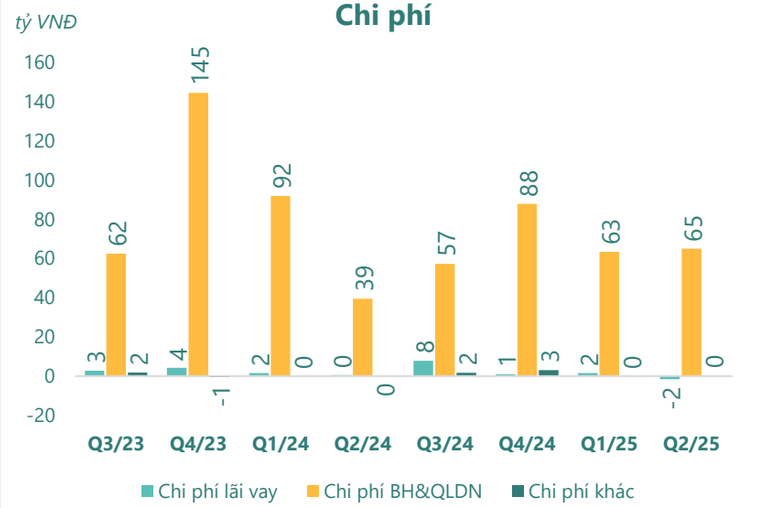
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



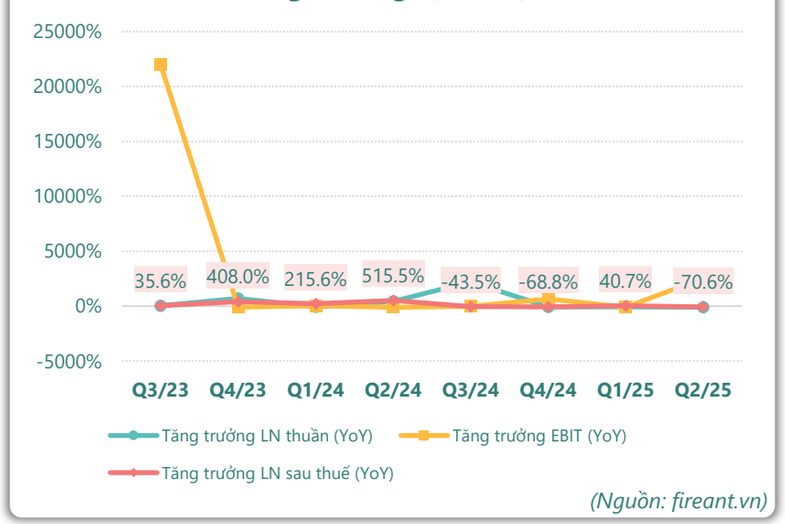
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



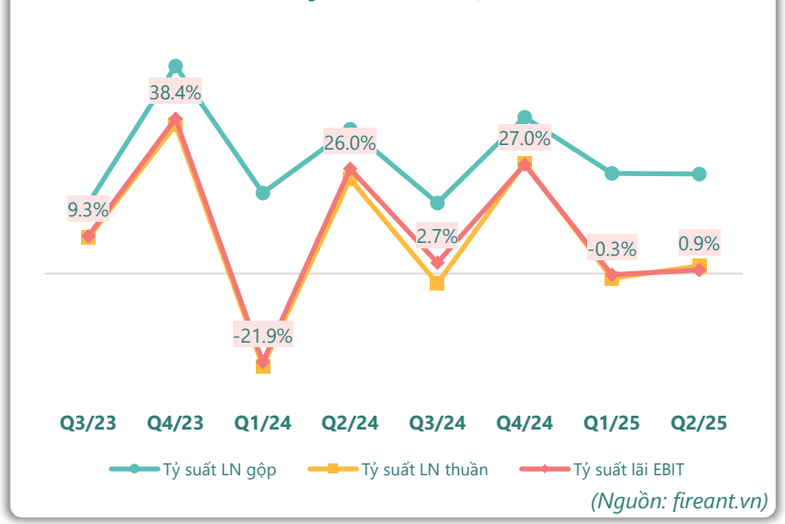
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



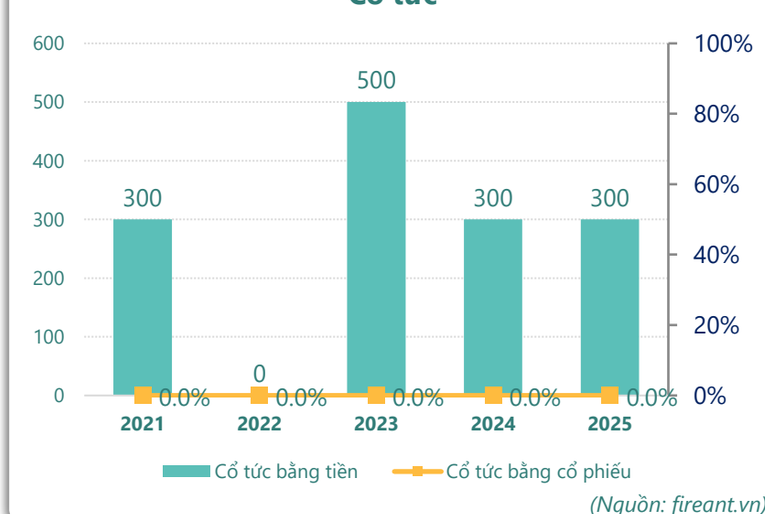
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

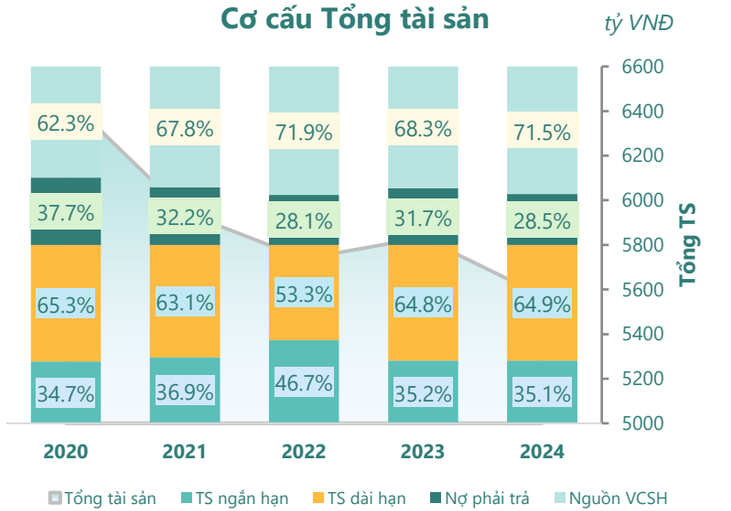
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

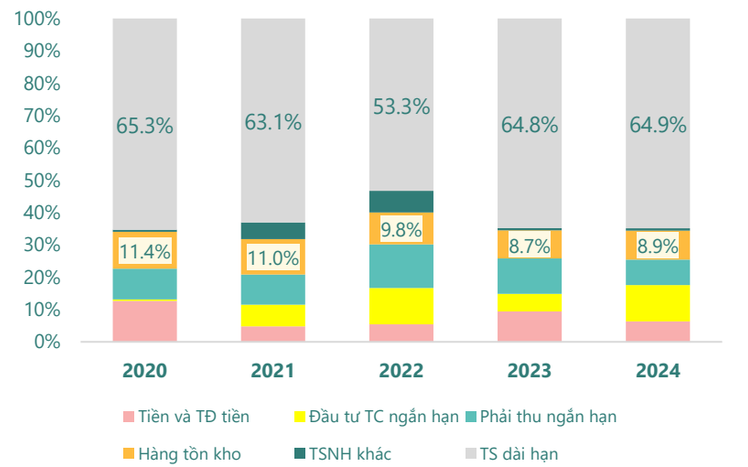
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



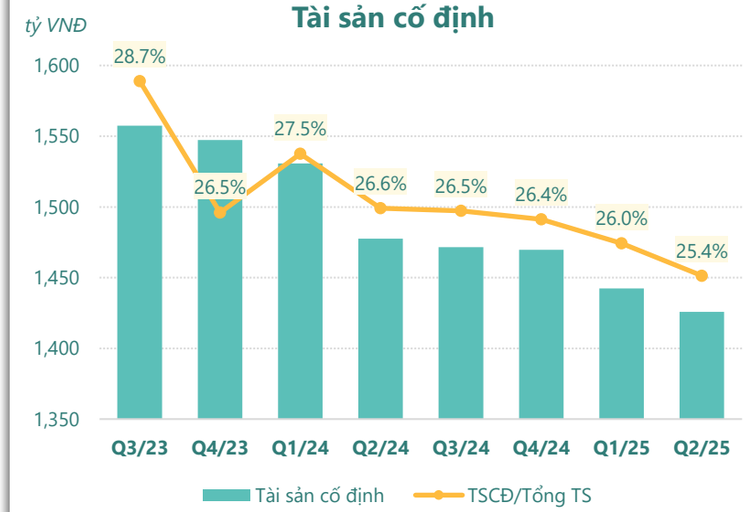
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



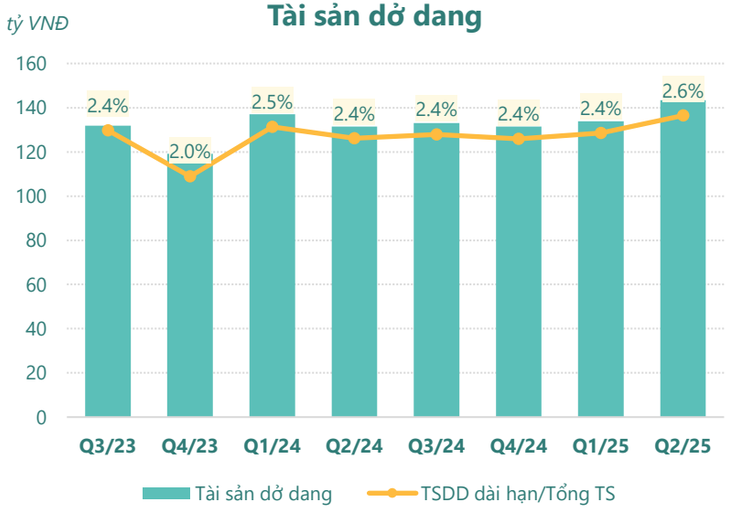
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



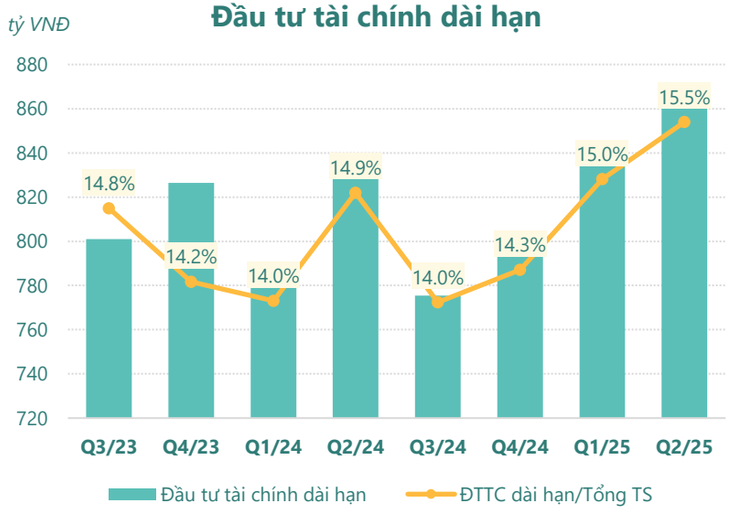
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



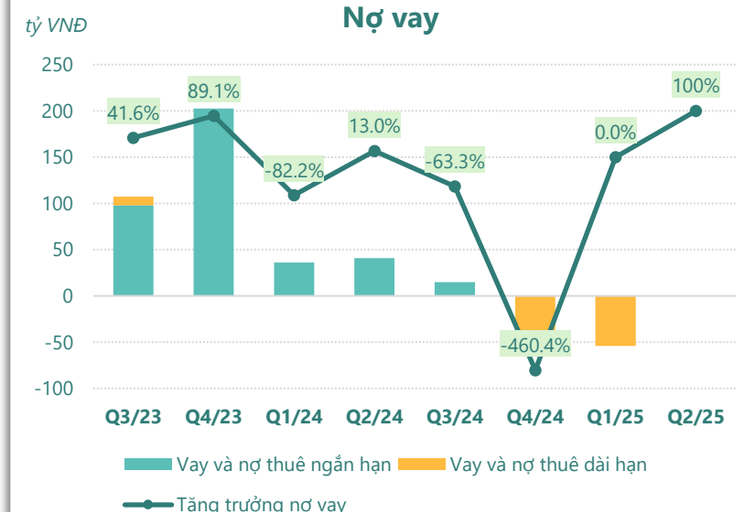
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

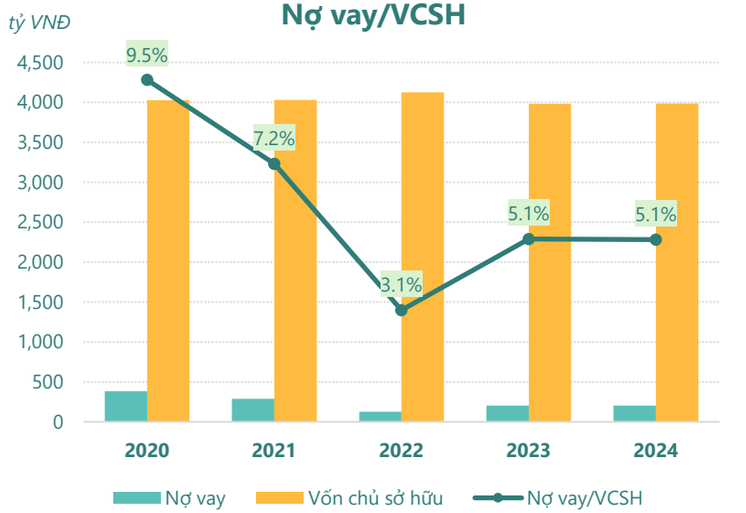
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

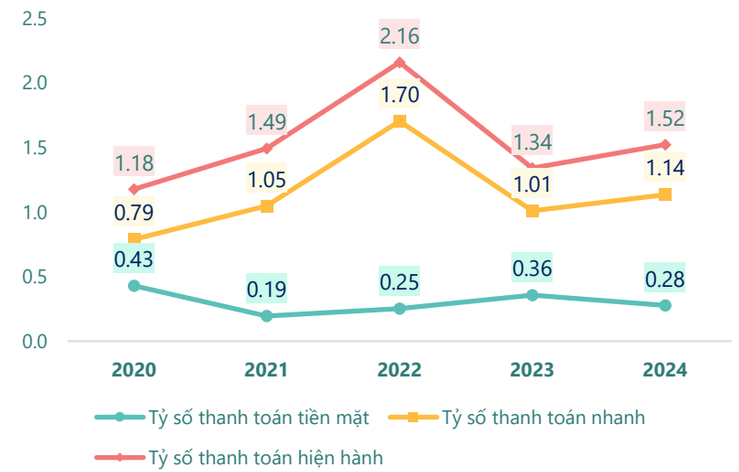
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



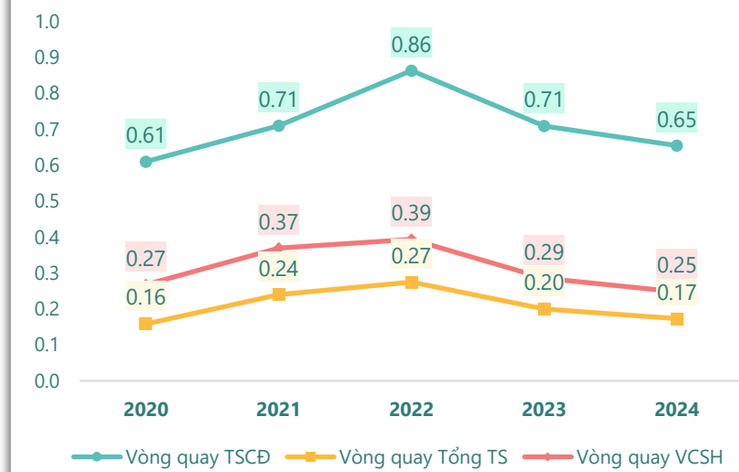
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



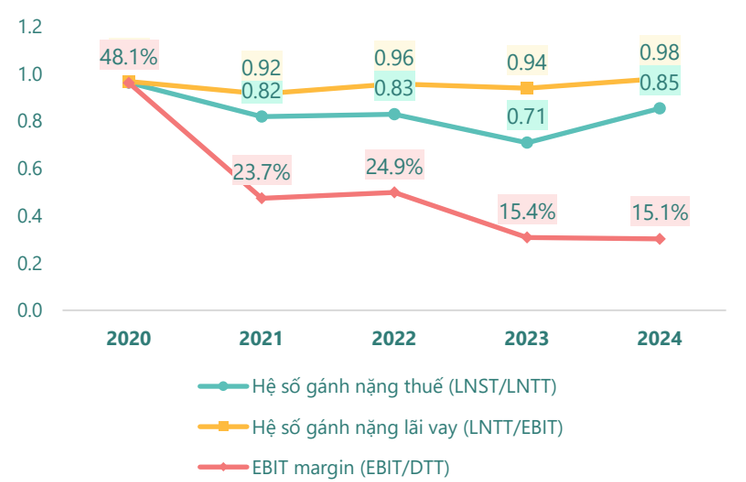
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



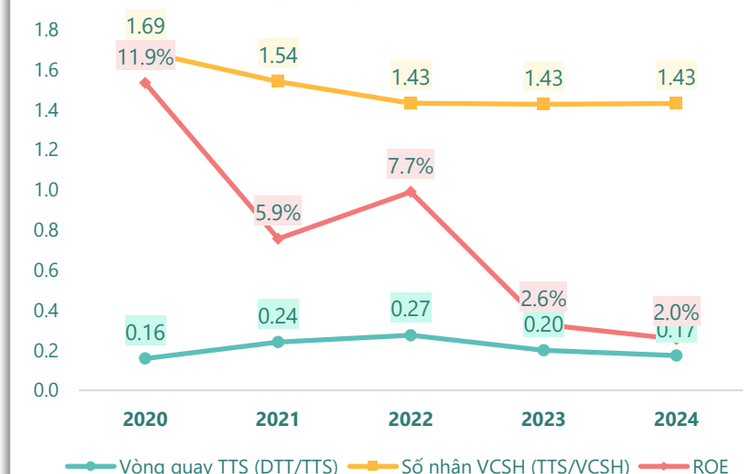
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



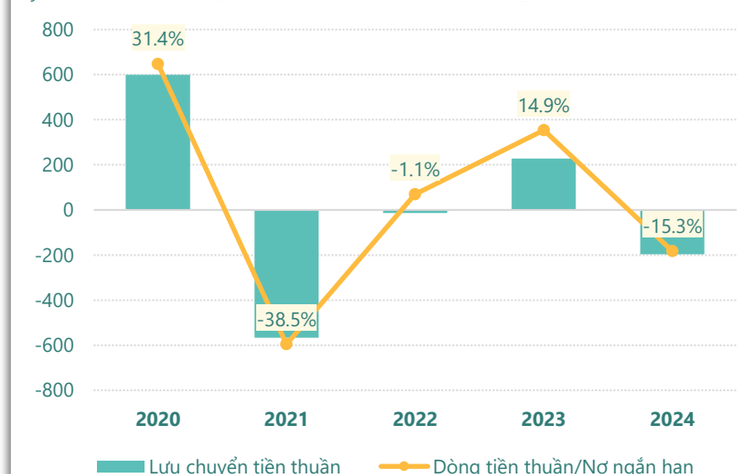
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**175**	**265**	**-33.8%**	**368**	**439**	**-16.2%**
Giá vốn hàng bán	132	170	-22.3%	277	309	-10.5%
Lợi nhuận gộp	43.3	95.0	-54.4%	91.1	130	-29.8%
Doanh thu HĐTC	11.8	10.2	15.3%	23.5	20.8	12.7%
Chi phí TC	4.36	4.39	-0.8%	6.25	5.73	9.2%
Chi phí lãi vay	-1.58	0.48	-430%	0	2.04	-100%
LN trong công ty LKLD	**17.6**	**0.93**	**1791%**	**21.1**	**8.99**	**134%**
Chi phí bán hàng	5.66	8.47	-33.2%	12.3	16.6	-26.2%
Chi phí QLDN	**59.3**	**31.0**	**91.3%**	**116**	**115**	**1.1%**
LN thuần từ HĐKD	3.32	62.4	-94.7%	1.12	22.5	-95.0%
Lợi nhuận khác	**-0.20**	**6.11**	**-103%**	**-0.11**	**6.26**	**-102%**
LN trước thuế	3.12	68.5	-95.4%	1.01	28.8	-96.5%
Lợi nhuận sau thuế	**0.82**	**51.0**	**-98.4%**	**-6.93**	**8.48**	**-182%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-1.86**	**50.0**	**-104%**	**-16.5**	**7.74**	**-313%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	52.6	95.4	160	20.8	-2.24	-2.39
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-131	-162	99.5	-57.2	-32.7	35.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-167	4.69	-116	-16.0	0	0
Tiền đầu kỳ	547	315	239	405	355	323
Lưu chuyển tiền thuần	**-245**	**-62.2**	**143**	**-52.4**	**-35.0**	**33.2**
Ảnh hưởng tỷ giá	12.1	-13.0	22.0	2.53	2.87	6.27
Tiền cuối kỳ	315	239	405	355	323	362

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**5,606**	**5,572**	**0.6%**
Tài sản ngắn hạn	2,029	1,958	3.6%
Tiền và tương đương tiền	362	355	2.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	611	622	-1.8%
Phải thu ngắn hạn	487	442	10.1%
Hàng tồn kho	525	498	5.4%
Tài sản ngắn hạn khác	43.8	40.5	8.2%
Tài sản dài hạn	**3,578**	**3,614**	**-1.0%**
Phải thu dài hạn	865	901	-3.9%
Tài sản cố định	1,426	1,469	-3.0%
Bất động sản đầu tư	185	187	-0.8%
Tài sản dở dang	143	131	9.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	870	833	4.4%
Tài sản dài hạn khác	**88.1**	**93.6**	**-5.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,633	1,586	2.9%
Nợ ngắn hạn	**1,334**	**1,286**	**3.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	23.4	25.4	-7.6%
Nợ dài hạn	298	300	-0.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	202	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**3,973**	**3,985**	**-0.3%**
Vốn chủ sở hữu	**3,973**	**3,985**	**-0.3%**
Vốn điều lệ	3,000	3,000	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)